

Bản án số: 339/2026/HS-ST

Ngày 17 tháng 6 năm 2026

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Quang Huy

Thẩm phán: Bà Vũ Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Quế

Bà Dương Thị Lý Anh

Ông Bùi Văn Xuyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Khiêm - Thư ký Tòa án;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh, bà Phạm Thanh Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 16 và 17 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 202/2026/TLST-HS ngày 09/4/2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 331/2026/QĐXXST-HS ngày 20/5/2026 đối với các bị cáo:

1. Sỹ Anh Tuyên; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm 1976 tại Hà Nội; Số CCCD: 0010760090xx cấp ngày 27/4/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội; Nơi thường trú: Đội A, thôn Đ, xã P, Thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Đảng phái, chính trị: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông: Sỹ Danh T (đã chết); Con bà: Tô Thị V (đã chết); Vợ: Tô Thị T, sinh năm 1980 và có 02 con (sinh năm 2001 và 2006); Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/6/2025; Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam B14 Bộ Công an; Có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Thị Hồng Nhung; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh năm 1967 tại Hà Nội; Số CCCD: 0011670119xx cấp ngày 09/12/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội; Nơi thường trú: Chung cư V, số A, phường Đ, Thành phố Hà Nội; Nơi ở: Chung cư M, số B, phường N, Thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Đảng phái, chính trị: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông: Nguyễn Văn N (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị L (đã chết); Chồng: Bùi Minh C, sinh năm 1963 (đã ly hôn) và có 02 con (sinh năm 1991 và 1999); Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/6/2025; Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam B14, Bộ Công an; Có mặt tại phiên tòa.

3. Trần Trí Trung; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 1983 tại Lạng Sơn; Số CCCD: 0200830083xx cấp ngày 17/02/2022; Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội; Nơi thường trú: Tổ T, phường T, tỉnh Thái

Nguyên; Nơi ở: Số D phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Đảng phái, chính trị: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông: Trần Chí T, sinh năm 1950; Con bà: Bùi Thị K, sinh năm 1957; Vợ: Đàm Thị Hoàng N, sinh năm 1984; Có 02 con (sinh năm 2012 và 2019); Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 19/5/2010, Trần Trí Trung bị Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ và phạt 3.000.000 đồng về tội “*Sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán hàng cấm*” theo Bản án số 101/HSST (đã được xoá án tích); Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/6/2025; Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam B14, Bộ Công an; Có mặt tại phiên tòa.

*** Những người bào chữa:**

- Bào chữa cho bị cáo Sỹ Anh Tuyên: Luật sư Nguyễn Duy Nhân, Văn phòng luật sư Tâm Nhân, Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng; Có mặt.

- Bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Hồng Nhung: Luật sư Lương Thị Liễu, Đào Thị Liên, Công ty Luật TNHH Tiên Phong, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; Luật sư Liễu vắng mặt; Luật sư Liên có mặt.

- Bào chữa cho bị cáo Trần Trí Trung: Luật sư Trần Thị Giáng Kiều, Văn phòng Luật sư số 18, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; Có mặt.

*** Các bị hại: 1.242 người (có phụ lục kèm theo).**

*** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Công ty Cổ phần Nước GMT; Địa chỉ: Chung cư T, số A, phường T, TP. Hà Nội; Có mặt.

- 315 Công ty có liên quan (có phụ lục kèm theo)

- Bà Sỹ Thị Ngọc H, sinh năm: 2001; Địa chỉ: Đội A, thôn Đ, xã P, TP. Hà Nội; Có mặt.

- Ông Hoàng Hồng T, sinh năm: 1996; Địa chỉ: Tổ A, phường G, tỉnh Thái Nguyên; Có mặt.

- Ông Trần Văn H, sinh năm: 1982; Địa chỉ: Thôn T, xã T, tỉnh Lạng Sơn; Có mặt.

- Ông Đỗ Xuân S, sinh năm: 1955; Địa chỉ: Thôn B, xã L, tỉnh Phú Thọ; Có mặt.

Ông Lê Minh T, sinh năm: 1982; Địa chỉ: Số A, đường L, phường Q, tỉnh Thanh Hoá; Có mặt.

- Ông Nguyễn Hoàng Đ, sinh năm: 1981; Địa chỉ: Ấp T, T, tỉnh Kiên Giang; Vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm: 1982; Địa chỉ: Khu đô thị H, thôn T, xã N, TP. Hải Phòng; Vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1971; Địa chỉ: Số A, Tập thể B, phường G, TP. Hà Nội; Vắng mặt.

- Bà Dương Bảo H, sinh năm: 1969; Địa chỉ: Ấp P, xã V, tỉnh Hưng Yên; Vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị Diệu A, sinh năm: 2001; Địa chỉ: Số A đường Q, phường K, TP. Hà Nội; Có mặt.

- Bà Đào Thị Ngọc H, sinh năm: 2000; Địa chỉ: Thôn T, xã N, tỉnh Hưng Yên; Vắng mặt.

- Bà Không Thị Thu H, sinh năm: 2001; Địa chỉ: Thôn C, xã S, tỉnh Phú Thọ; Có mặt.



- Ông Phạm Quang K, sinh năm: 2001; Địa chỉ: Thôn V, phường M, tỉnh Quảng Ninh; *Có mặt.*
- Bà Lưu Thị Thuỳ L, sinh năm: 2001; Địa chỉ: Số A C, xã C, TP. Hà Nội; *Vắng mặt.*
- Bà Đoàn Thị T, sinh năm: 1983; Địa chỉ: Số A, ngõ B, tổ A N, L, TP. Hà Nội; *Có mặt.*
- Bà Đỗ Thị Ánh T, sinh năm: 2001; Địa chỉ: Số A, ngõ B đường B, thôn B, xã Đ, TP. Hà Nội; *Có mặt.*
- Bà Nguyễn Tổ U, sinh năm: 2001; Địa chỉ: Số A ngách B ngõ C đường L, phường L, TP. Hà Nội; *Có mặt.*
- Ông Phạm Ngọc Trường G, sinh năm: 1981; Địa chỉ: M, xã V, tỉnh Hưng Yên; *Có mặt.*
- Ông Nguyễn Chí H, sinh năm: 1989; Địa chỉ: Số A, N, phường H, tỉnh Thanh Hoá; *Có mặt.*
- Ông Trần Văn N, sinh năm: 1971; Địa chỉ: Số A, ngõ B, ngách C, phố T, phường H, TP. Hà Nội; *Vắng mặt.*
- Bà Dương Thị N, sinh năm: 1987; Địa chỉ: Thôn T, xã T, tỉnh Lạng Sơn; *Có mặt.*
- Bà Dương Thị P, sinh năm: 1983; Địa chỉ: M, xã V, tỉnh Hưng Yên; *Có mặt.*
- Ông Hồ Văn T, sinh năm: 1993; Địa chỉ: Thôn A, xã M, tỉnh Gia Lai; *Có mặt.*
- Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm: 1980; Địa chỉ: Số A, ngõ B, phố T, phường T, TP. Hà Nội; *Vắng mặt.*
- Ông Lại Mạnh T, sinh năm: 1979; Địa chỉ: Thôn Y, phường Đ, tỉnh Thanh Hoá; *Vắng mặt.*
- Bà Vũ Thị H, sinh năm: 1978; Địa chỉ: Ngõ A đường M, phường V, tỉnh Phú Thọ; *Có mặt.*
- Bà Bùi Thị T, sinh năm 1999; Địa chỉ: Chung cư M, phường G, TP. Hà Nội; *Có mặt.*
- Ông Trần Hữu T, sinh năm 1964; Địa chỉ: số A ngõ A đường L, phường L, TP. Hà Nội; *Có mặt.*
- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1974; Địa chỉ: Thôn C, xã T, tỉnh Lào Cai; *Có mặt.*
- Anh Nguyễn Việt Q, sinh năm 2001; Địa chỉ: Thôn S, xã Q, TP. Hà Nội; *Có mặt.*
- Anh Hà Thế T, sinh năm 1985; Địa chỉ: Thôn N, xã T, tỉnh Thái Nguyên; *Có mặt.*
- Anh Lê Thành L, sinh năm 1998; Địa chỉ: Ấp L, xã H, tỉnh Đồng Tháp; *Có mặt.*
- Chị Bùi Thị Thanh T, sinh năm 1982; Địa chỉ: Tổ A M, phường K, Hà Nội; *Vắng mặt.*
- Chị Trần Thị T; Địa chỉ: Tổ A phường P, thành phố Hà Nội; *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty Cổ phần nước CNA được thành lập ngày 15/01/2019 do Sỹ Anh Tuyên làm Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật; ngành nghề kinh doanh chính là bán buôn nước khoáng thiên nhiên, nước tinh khiết đóng chai. Đến năm 2022, Sỹ Anh

Tuyên đổi tên Công ty Cổ phần nước CNA thành Công ty Cổ phần nước GMT (Công ty GMT), vốn điều lệ 250 tỷ đồng (*các thành viên không góp vốn theo quy định*). Nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản, Tuyên bàn bạc, thống nhất với Nguyễn Thị Hồng Nhung và Trần Trí Trung đều là Phó Chủ tịch HĐQT trong việc xây dựng Công ty GMT hoạt động theo mô hình “*hệ sinh thái GMT*”. Sỹ Anh Tuyên thành lập và giao cho Nguyễn Thị Hồng Nhung làm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần GMT nước Vạn Xuân phụ trách về tài chính, quản lý thu, chi của toàn bộ hệ sinh thái; Trần Trí Trung làm Giám đốc Chi nhánh Miền Nam Bộ phụ trách kinh doanh và pháp lý, có trách nhiệm liên hệ để thành lập tất cả các công ty tham gia “*hệ sinh thái GMT*”; giao Sỹ Thị Ngọc H (con gái Tuyên) làm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần GMT nước CNA phụ trách về kỹ thuật, sản xuất nước đóng chai. Đến năm 2025, “*hệ sinh thái GMT*” do Sỹ Anh Tuyên điều hành đã thành lập 07 Chi nhánh ⁽¹⁾Hoàng Hồng T, Giám đốc chi nhánh Miền Bắc; ⁽²⁾Trần Văn H, Giám đốc chi nhánh Nam Trung Bộ; ⁽³⁾Nguyễn Hoàng Đ, Giám đốc chi nhánh Tây Nam Bộ; ⁽⁴⁾Nguyễn Thị Thanh H, Giám đốc chi nhánh Đồng Bằng Bắc Bộ; ⁽⁵⁾Đỗ Xuân S, Giám đốc chi nhánh Tây Bắc Bộ và ⁽⁶⁾Lê Minh T, Giám đốc chi nhánh Bắc Trung Bộ; ⁽⁷⁾Trần Trí Trung, Giám đốc Chi nhánh miền Nam Bộ) và 316 Công ty thành viên trên cả nước để huy động vốn mà không có hoạt động sản xuất, kinh doanh, không có doanh thu. Đồng thời, Tuyên thuê các nhân viên kế toán gồm: Đoàn Thị T, Đào Thị Ngọc H, Nguyễn Tố U, Đỗ Thị Ánh T, Lưu Thị Thùy L, Phạm Quang K, Khổng Thị H, Nguyễn Thị Diệu A thực hiện các công việc như: nộp tờ khai thuế môn bài, thuế GTGT, thuế thu nhập cá nhân bản trắng; lập phiếu thu tiền, thông kê danh sách cá nhân nộp tiền... cho Tuyên và Nhung. Nhóm nhân viên này làm theo chỉ đạo, không biết mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị cáo.

Để chiếm đoạt được tiền của nhà đầu tư, thông qua “*hệ sinh thái GMT*”, Sỹ Anh Tuyên chỉ đạo Nhung ký “*Giao ước thỏa thuận tài chính*”; “*Biên bản thỏa thuận góp vốn kinh doanh thành lập Công ty TNHH hoặc Công ty Cổ phần*”... và chịu trách nhiệm là đầu mối nhận tiền của các cá nhân. Tuyên thông báo với các Giám đốc Chi nhánh Công ty GMT chuyển tiền vào tài khoản của Nhung. Trường hợp các cá nhân chuyển tiền vào tài khoản của Giám đốc các chi nhánh thì những người này cũng phải chuyển toàn bộ tiền vào tài khoản của Nhung, Tuyên; phân công Trần Trí Trung chịu trách nhiệm liên hệ với các nhà mạng viễn thông lập phòng học tập trực tuyến để Tuyên giảng dạy khóa học “*Chương trình kiến tạo giải pháp về nước*”, liên hệ với các Công ty luật để thuê làm các thủ tục thành lập doanh nghiệp như: Soạn điều lệ Công ty; lo thủ tục cấp giấy đăng ký kinh doanh, con dấu, chữ ký số, hóa đơn điện tử, bảng hiệu và báo cáo tài chính, báo cáo thuế...

Nhằm lôi kéo được nhiều người tham gia đầu tư, tạo sự tin tưởng để họ tham gia các lớp đào tạo, góp vốn thành lập công ty thuộc “*hệ sinh thái GMT*”, Tuyên tự soạn thảo, xây dựng tài liệu về “*Chương trình giải pháp kiến tạo về nước 104*”; “*Quy ước tổ chức kinh doanh nước*”, trong đó, thể hiện Công ty GMT và Tuyên đang điều hành, quản lý dòng vốn 40.000 tỷ đồng; là đơn vị tổ chức, lập kế hoạch, đào tạo các công ty thành viên trực thuộc làm kinh doanh sản phẩm nước từ Công ty GMT. Thông qua các buổi hội thảo, sự kiện, thuyết trình tại các lớp đào tạo học viên trực tiếp, thông qua sự giới thiệu của bạn bè, người quen và thông qua ứng dụng Zoom, Tuyên, Nhung và Trung đã đưa ra thông tin gian dối, không đúng sự thật về việc: Công ty GMT có nguồn vốn 40.000 tỷ đồng từ các nhà đầu tư trong nước và quốc tế; có hệ thống xử lý và chế tạo nước ion kiềm đạt chuẩn quốc tế; hoạt động kinh doanh sản xuất của Công ty GMT vì mục đích tốt đẹp, cung cấp miễn phí nước cho người dân; kết quả hoạt động sản xuất

kinh doanh và lợi nhuận của các công ty trong “*hệ sinh thái GMT*” luôn ở mức cao; các thành viên khi tham gia vào hệ thống GMT sẽ được lắp đặt hệ thống nước ion kiềm, được bố trí công ăn việc làm cho người nhà, được trả công, tiền lương, thưởng; các nhà đầu tư tham gia góp vốn sẽ nhận lợi nhuận cao theo tuần. Ngoài ra, Tuyên còn bổ nhiệm ông Nguyễn Tuấn B, nguyên Phó Giám đốc Bệnh viện Y làm Đại sứ thương hiệu hòa bình của Công ty GMT, tham gia một số buổi hội thảo, hội nghị để chia sẻ kiến thức khoa học về tầm quan trọng của nước Ion kiềm nhằm củng cố niềm tin của nhà đầu tư vào “*hệ sinh thái GMT*”. Nhưng thực tế, Công ty GMT không có chức năng đào tạo, giảng dạy, cấp chứng chỉ; toàn bộ “*hệ sinh thái GMT*” không hoạt động sản xuất kinh doanh để tạo doanh thu; Tuyên không có nguồn tiền 40.000 tỷ đồng như đã nêu trong quy ước và trong các buổi gặp gỡ trực tiếp, các buổi hội nghị, hội thảo; không thực hiện việc góp vốn và các cam kết nêu trên.... Do tin tưởng vào những thông tin Tuyên, Nhung và Trung đưa ra, nhiều cá nhân đã chuyển tiền tham gia các lớp học, góp vốn để thành lập công ty thuộc “*hệ sinh thái GMT*”, thông qua việc ký “*Giao ước thỏa thuận tài chính*”; “*Hợp đồng hợp tác kinh doanh*”, “*Biên bản thỏa thuận góp vốn kinh doanh*”, cụ thể:

Các cá nhân muốn trở thành thành viên trong “*hệ sinh thái GMT*” thì phải tham gia khóa học đào tạo “*Chương trình kiến tạo giải pháp về nước*” do Tuyên trực tiếp giảng dạy (thời gian của khóa học là 30 ngày, chủ yếu học dưới hình thức online hoặc tập trung tại các địa điểm do Công ty GMT tổ chức); học phí của khóa học là 24.000.000 đồng, nhưng cá nhân tham gia khóa học chỉ phải đóng học phí số tiền 8.000.000 đồng, Công ty GMT hỗ trợ số tiền 16.000.000 đồng (thông qua việc ký “*Giao ước thỏa thuận tài chính*” với Công ty GMT). Ngoài ra, các cá nhân tham gia khóa học còn được hưởng các quyền lợi như: sau thời gian học tập, thành viên sẽ được cấp chứng chỉ tốt nghiệp và được nhận 01 nhẫn 1,5 chỉ vàng 18k; được sắp xếp công việc, có thu nhập tối thiểu là 1.788.480 đồng/tuần... nhưng thực tế, các học việc không được hỗ trợ như trên.

Kết thúc khóa học, nếu cá nhân tiếp tục đồng hành cùng Công ty GMT để thành lập các Công ty thành viên (thành lập Công ty Trách nhiệm hữu hạn hoặc Công ty Cổ phần) thì cá nhân phải đóng 30% vốn điều lệ, Công ty GMT sẽ đầu tư 70% vốn điều lệ; đồng thời, hứa hẹn triển khai lắp đặt hệ thống sản xuất nước ion kiềm đóng chai tại các công ty thành viên. Để tạo niềm tin cho các cá nhân góp vốn, Tuyên chỉ đạo Nhung, đại diện Công ty Vạn Xuân ký “*Biên bản thỏa thuận góp vốn kinh doanh*”; “*Giao ước thỏa thuận tài chính thành lập Công ty*” “*Quy ước tổ chức kinh doanh nước của Công ty Cổ phần nước GMT*”. với các cá nhân, nội dung thể hiện: Công ty GMT đang tổ chức, điều hành dòng vốn 40.000 tỷ đồng. Khi cá nhân góp vốn thành lập Công ty TNHH (với vốn điều lệ là 120.000.000 đồng) thì phải ứng trước 36.000.000 đồng (tương ứng 30% vốn điều lệ) và trở thành nhà Thương mại; khi cá nhân thành lập Công ty Cổ phần (với vốn điều lệ là 1.200.000.000 đồng) thì phải ứng trước số tiền 360.000.000 đồng (tương ứng 30% vốn điều lệ) và trở thành Nhà sản xuất (các cá nhân còn phải nộp thêm 5.500.000 đồng để lo các thủ tục pháp lý thành lập doanh nghiệp). Trường hợp cá nhân đã chuyển đủ số vốn góp để thành lập Công ty TNHH hoặc Công ty Cổ phần cho người quản lý là Tuyên, nhưng người quản lý vốn góp chưa thực hiện thành lập công ty hoặc đã thành lập công ty nhưng chưa chuyển tiền vào tài khoản của Công ty mới thành lập để tiến hành hoạt động kinh doanh, thì cá nhân sẽ nhận được một khoản tiền hành chính (đối với Công ty TNHH sẽ được hỗ trợ số tiền 1.788.480 đồng/tuần; Công ty Cổ phần sẽ được hỗ trợ số tiền

2.500.000 đồng/tuần) trong khoảng thời gian chờ Sỹ Anh Tuyên chuẩn bị hồ sơ thành lập công ty và nộp đủ số tiền 70% góp vốn vào Công ty mới thành lập. Ngoài ra, các cá nhân tham gia góp vốn vào Công ty GMT sẽ được nhận lợi nhuận cao với tiền lãi 38%/năm, qua đó các cá nhân tin tưởng, ký “Hợp đồng hợp tác kinh doanh” và chuyển tiền góp vốn đầu tư vào Công ty GMT.

Quá trình điều tra có căn cứ xác định: Từ đầu năm 2022 đến 17/6/2025, Sỹ Anh Tuyên, Nguyễn Thị Hồng Nhung và Trần Trí Trung bằng thủ đoạn trên đã thu của 1259 người với tổng số tiền là 89.985.840.000 đồng. Trong đó, Tuyên nhận 27.703.000.000 đồng; Nhung nhận 56.115.000.000 đồng; số tiền còn lại được chuyển vào tài khoản của một số giám đốc Chi nhánh Công ty GMT và được Tuyên cho phép giữ lại để chi trả các hoạt động thường xuyên của chi nhánh như: chi phí thuê trụ sở, chi phí văn phòng phẩm..., cụ thể như sau:

- Tiền tham gia các khóa học của 1195 người, học online qua ứng dụng Zoom do Tuyên giảng dạy về các nội dung liên quan đến Công ty GMT; mỗi học viên nộp từ 2.000.000 đồng đến 24.000.000 đồng/người; Tổng số tiền đã thu là: 9.462.500.000 đồng.

- Số tiền thu của các cá nhân để thành lập doanh nghiệp là các Công ty Cổ phần (Nhà sản xuất) và Công ty TNHH (Nhà thương mại) là 49.853.000.000 đồng, trong đó:

- + Thu của 144 người, tổng số tiền 34.894.000.000 đồng để thành lập Công ty Cổ phần, trở thành Nhà sản xuất.

- + Thu của 378 người, tổng số tiền 12.836.000.000 đồng để thành lập Công ty TNHH, trở thành Nhà thương mại.

- + Thu phí thành lập Doanh nghiệp 5.500.000 đồng/doanh nghiệp của 386 người để làm thủ tục thành lập Công ty TNHH/Công ty Cổ phần, với tổng số tiền 2.123.000.000 đồng.

- Số tiền thu của những người đầu tư tham gia góp vốn (để hưởng lãi suất 38%/năm): Có 55 người nộp tiền, tổng số tiền là 30.670.340.000 đồng (mức thu là 240.000.000 đồng/người, nhưng thực tế có người nộp ít hoặc nhiều tiền hơn).

Với tổng số tiền thu được là 89.985.840.000 đồng Tuyên, Nhung và Trung sử dụng vào các công việc nhằm tạo niềm tin về nguồn vốn, năng lực tài chính, hoạt động sản xuất kinh doanh của các Công ty trong “*hệ sinh thái GMT*” như sau: thuê văn phòng, mua sắm thiết bị, các nguyên liệu phục vụ sản xuất nước ion kiềm tại các Chi nhánh; tổ chức các sự kiện, chương trình, hội nghị; chi phí lắp đặt các hệ thống nước; chi phí trả lương cho nhân viên công ty; trả lãi cho các nhà đầu tư; tiền lãi vay ngân hàng; tiền điện nước, chi phí nội thất, làm biển quảng cáo cho văn phòng; phí thành lập doanh nghiệp... và sử dụng để chi tiêu cá nhân khác. Đến nay, các bị cáo sử dụng hết số tiền thu được của các cá nhân.

Quá trình điều tra, Cơ quan ANĐT Bộ Công an đã đăng báo 02 lần tìm bị hại, đồng thời có văn bản ủy thác điều tra đến Công an các tỉnh, thành phố trên cả nước để triệu tập, làm việc với 1259 cá nhân. Kết quả: Cơ quan điều tra ANĐT Bộ Công an và Cơ quan ANĐT Công an các tỉnh, thành phố đã liên hệ, làm việc được với 603 cá nhân đã chuyển tổng số tiền là 61.265.500.000 đồng cho các bị cáo. Trong đó có 475 người có yêu cầu đề nghị Tuyên, Nhung và Trung trả lại tiền, với tổng số tiền là 48.820.214.080 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan ANĐT Bộ Công an xác định:

- Đối với các Giám đốc Chi nhánh Công ty GMT, gồm: ⁽¹⁾Hoàng Hồng T, Giám đốc chi nhánh Miền Bắc; ⁽²⁾Trần Văn H, Giám đốc chi nhánh Nam Trung Bộ; ⁽³⁾Nguyễn Hoàng Đ, Giám đốc chi nhánh Tây Nam Bộ; ⁽⁴⁾Nguyễn Thị Thanh H, Giám đốc chi nhánh Đồng Bằng Bắc Bộ; ⁽⁵⁾Đỗ Xuân S, Giám đốc chi nhánh Tây Bắc Bộ và ⁽⁶⁾Lê Minh T, Giám đốc chi nhánh Bắc Trung Bộ; là những người làm thuê, hưởng lương 2.500.000 đồng/tuần; không được trao đổi, không biết mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị cáo; vì vậy, không có căn cứ để xử lý hình sự đối với các cá nhân này.

- Đối với Sỹ Thị Ngọc H (con gái Tuyên), được phân công là đại diện pháp luật Công ty CNA theo chỉ đạo của Tuyên, hưởng lương 2.500.000 đồng/tuần. Kết quả điều tra xác định, H được giao phụ trách kỹ thuật lắp đặt hệ thống nước Ion kiềm; không bàn bạc, trao đổi với Tuyên, Nhưng trong việc lừa dối các cá nhân; không nhận tiền của các cá nhân góp vốn đầu tư. Do đó, không có căn cứ để xử lý hình sự đối với Sỹ Thị Ngọc H.

- Đối với các Kế toán trong Công ty GMT, gồm: Đoàn Thị T, Đào Thị Ngọc H, Nguyễn Tố U, Đỗ Thị Ánh T, Lưu Thị Thùy L, Phạm Quang K, Khổng Thị H, Nguyễn Thị Diệu A. Kết quả điều tra xác định, các cá nhân trên không được bàn bạc trong việc lừa dối các cá nhân, không biết mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị can; do đó, Cơ quan ANĐT Bộ Công an không xử lý hình sự đối với nhóm nhân viên kế toán là phù hợp.

- Đối với ông Nguyễn Tuấn B, kết quả điều tra xác định, các cá nhân này không có bàn bạc, trao đổi với bị can Tuyên trong việc lừa dối nhà đầu tư nên không có căn cứ để xử lý hình sự.

- Đối với bà Nguyễn Thị H, bà Dương Bảo H: Là những người ký hợp đồng hợp tác với Công ty GMT để tìm kiếm nguồn vốn cho Tuyên, nhưng đến nay các hợp đồng chưa được thực hiện, chưa có nguồn đầu tư nào; bà H và bà H không bàn bạc, trao đổi, thỏa thuận với Tuyên trong việc lừa dối nhà đầu tư nên không có căn cứ để xử lý đối với bà H và bà H.

Quá trình điều tra, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tích cực giúp đỡ cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm s, t khoản 1 Điều 51 BLHS; gia đình bị cáo Nhung nộp 100.000.000 đồng để khắc phục hậu quả vụ án, do đó, bị cáo Nhung được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS.

** Việc thu giữ, tạm giữ, đồ vật, tài sản liên quan; xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự, biện pháp tư pháp:*

- *Vật chứng:* Quá trình khám xét, Cơ quan điều tra đã thu giữ một số đồ vật, tài liệu có liên quan đến vụ án và hành vi phạm tội của các bị cáo (*có bảng thống kê kèm theo*). Những đồ vật, tài liệu không liên quan Cơ quan điều tra đã ra các Quyết định trả lại đồ vật, tài liệu theo quy định.

- *Trách nhiệm dân sự:* Các bị cáo đã chiếm đoạt số tiền 89.885.840.000 đồng của bị hại. Tuy nhiên, việc Nhung, Trung và những người liên quan trong “*hệ sinh thái GMT*” nhận tiền và sử dụng tiền đều theo sự chỉ đạo của Tuyên nên Tuyên phải chịu trách nhiệm toàn bộ đối với số tiền đã chiếm đoạt 89.885.840.000 đồng. Đến nay xác định Tuyên phải có trách nhiệm trả lại cho 475 bị hại có yêu cầu trả lại tổng số tiền 48.820.214.080 đồng. Đối với số tiền các bị hại không yêu cầu phải trả lại nhưng đây là số tiền do phạm tội mà có nên cần phải tịch thu sung ngân sách nhà nước.

- *Phong tỏa tài khoản:* Cơ quan ANĐT Bộ Công an có Lệnh phong tỏa tài

khoản số 98/LPT-ANĐT-P2 ngày 03/02/2026 đối với số tiết kiệm có kỳ hạn số TA 057135xx tại Ngân hàng TMCP T của bị cáo Nguyễn Thị Hồng Nhung, số tiền 01 tỷ đồng.

- *Tiền tạm giữ*: Ngày 03/02/2025, bà Dương Bảo H đã nộp tiền vào tài khoản tạm giữ của Cơ quan ANĐT Bộ Công an số tiền 20.000.000 đồng để khắc phục hậu quả vụ án cho Sỹ Anh Tuyên. Ngày 05/02/2025, bà Nguyễn Thị H đã nộp tiền vào tài khoản tạm giữ của Cơ quan ANĐT Bộ Công an số tiền 235.585.576 đồng để khắc phục hậu quả vụ án cho Sỹ Anh Tuyên.

*** *Tại Cáo trạng số 42/CT-VKSTC-V1 ngày 08/4/2026 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã truy tố các bị cáo***: Sỹ Anh Tuyên, Nguyễn Thị Hồng Nhung, Trần Trí Trung về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Tại Văn bản số 3662/VKSTC-V1 ngày 16/6/2026 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao và tại phiên tòa Kiểm sát viên đã đính chính các thông tin về số tiền các bị cáo chiếm đoạt và số bị hại nêu tại trang 6 Cáo trạng từ 1258 cá nhân, sửa thành 1263 cá nhân; số tiền từ 89.885.840.000 đồng, thành 90.732.840.000 đồng.

*** *Tại phiên tòa***:

- *Các bị cáo khai như sau*:

+ *Bị cáo Sỹ Anh Tuyên*: Xác nhận đã thực hiện các hành vi như Cáo trạng nêu. Tuy nhiên, bị cáo cho rằng việc làm của mình và Công ty GMT nhằm phục vụ cộng đồng, bị cáo không có ý thức lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị hại. Bị cáo đồng ý và đề nghị xem xét, giải quyết cả phần trách nhiệm hình sự và trách nhiệm dân sự phát sinh của vụ án trong giai đoạn truy tố, xét xử.

+ *Bị cáo Nguyễn Thị Hồng Nhung*: Xác nhận đã thực hiện hành vi như Cáo trạng nêu, không có ý kiến gì về tội danh, chỉ xin được giảm nhẹ mức hình phạt. Bị cáo đề nghị xem xét, giải quyết cả phần trách nhiệm hình sự và trách nhiệm dân sự phát sinh của vụ án trong giai đoạn truy tố, xét xử.

+ *Bị cáo Trần Trí Trung*: Xác nhận nội dung Cáo trạng là đúng. Tuy nhiên bị cáo cho rằng việc làm của bị cáo là do tin tưởng Sỹ Anh Tuyên, bản thân bị cáo không có ý thức lừa đảo chiếm đoạt tiền của các bị hại. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức hình phạt. Bị cáo đề nghị xem xét, giải quyết cả phần trách nhiệm hình sự và trách nhiệm dân sự phát sinh của vụ án trong giai đoạn truy tố, xét xử.

- *Các bị hại khai*:

+ Một số bị hại khai như đã khai tại Cơ quan điều tra, yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt của các bị hại.

+ Một số bị hại khác cho rằng các bị cáo không có ý thức chiếm đoạt tiền của bị hại, không yêu cầu các bị cáo trả lại tiền và đề nghị không buộc các bị cáo phải truy nộp tiền của họ sung công quỹ Nhà nước, đề nghị xem xét không áp dụng hình phạt đối với các bị cáo,

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Đề nghị xem xét bảo vệ quyền, lợi ích của mình theo quy định pháp luật.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa*: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đánh giá chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa đã giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Sỹ Anh Tuyên, Nguyễn Thị Hồng Nhung, Trần Trí Trung phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều

174; điểm b, s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Các Điều 38, 54 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Sỹ Anh Tuyên từ 15 đến 16 năm tù; Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hồng Nhung từ 08 đến 09 năm tù; Xử phạt bị cáo Trần Trí Trung từ 07 đến 08 năm tù. Về trách nhiệm dân sự đề nghị buộc các bị cáo liên đới bồi thường cho các bị hại theo quy định, đối với các bị hại chưa có yêu cầu bồi thường đề nghị buộc các bị cáo phải truy nộp số tiền hưởng lợi để sung công quỹ nhà nước. Về xử lý vật chứng, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Những người bào chữa cho các bị cáo có ý kiến bào chữa:* Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét động cơ, mục đích, ý thức chiếm đoạt tài sản của các bị cáo chưa rõ. Các bị cáo thực hiện hành vi nhằm mục đích cao cả, mang lại nguồn nước sạch cho cộng đồng. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện có những nội dung chưa phù hợp với quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của pháp luật xử phạt mức án thấp nhất đối với các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Cơ quan An ninh điều tra Bộ Công an và các Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và các Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự và thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng đều không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

Vụ án này có số lượng người tham gia tố tụng rất lớn, trong giai đoạn điều tra Cơ quan An ninh điều tra đã 02 lần thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng tìm bị hại. Trong giai đoạn truy tố, Viện kiểm sát nhân dân tối cao cũng đã đăng thông báo tìm bị hại. Trước khi mở phiên tòa sơ thẩm, Tòa án cũng đã đăng Thông báo về việc mở phiên tòa và Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm liên tiếp trong nhiều ngày trên Báo Công lý và Trang thông tin điện tử của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, kết hợp với việc gửi giấy triệu tập cho những người tham gia tố tụng trong vụ án để các bị hại biết, thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình trong vụ án. Tại phiên tòa vắng mặt một số bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, nhưng việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Vì vậy, căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng Hình sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Tại Kết luận điều tra, Cáo trạng và Văn bản đính chính Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tối cao nêu có 1263 người tham gia các khóa học, nộp tiền cho các bị cáo để thành lập công ty bị chiếm đoạt tài sản là bị hại. Tuy nhiên, qua rà soát danh sách và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, có một số người được ghi nhận nhiều lần trong danh sách bị hại. Đến nay đã xác định có 1242 bị hại trong vụ án.

Trong giai đoạn truy tố, xét xử phát sinh một số nhà đầu tư đã nộp tiền cho Công ty GMT và các bị cáo, hiện có yêu cầu xem xét, giải quyết quyền, lợi ích của mình trong vụ án. Tại phiên tòa, các bị cáo Sỹ Anh Tuyên, Nguyễn Thị Hồng Nhung, Trần Trí Trung đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết trách nhiệm hình sự và dân

sự có liên quan đến các bị hại đó trong vụ án này và đồng ý với các nội dung chính cáo trạng của Viện kiểm sát. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa cũng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết trách nhiệm hình sự, dân sự của các bị cáo đối với các bị hại phát sinh trong quá trình xét xử. Các nội dung trên phù hợp với quy định của pháp luật, những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến gì, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về tội danh đối với các bị cáo:

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng đã thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định:

Từ năm 2022 đến năm 2025, mặc dù Công ty GMT không có chức năng đào tạo học viên, không có hoạt động sản xuất kinh doanh, không có doanh thu, không có nguồn tiền nào khác, nhưng các bị cáo Sỹ Anh Tuyên, Nguyễn Thị Hồng Nhung, Trần Trí Trung đã đưa ra những thông tin gian dối về việc Công ty GMT có nguồn tiền 40.000 tỷ đồng từ các nhà đầu tư trong nước và quốc tế; Công ty đang điều hành, quản lý dòng vốn trên, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và lợi nhuận của các công ty trong “*hệ sinh thái GMT*” luôn ở mức cao; các thành viên khi tham gia vào hệ thống GMT sẽ được lắp đặt hệ thống nước ion kiềm, được bố trí công ăn việc làm cho người nhà, được trả công, tiền lương, thưởng; các nhà đầu tư tham gia góp vốn sẽ nhận lợi nhuận cao theo tuần, lời kéo các nhà đầu tư tham gia các khoá học, hợp tác, góp vốn vào Công ty GMT thành lập các công ty vệ tinh để trở thành nhà thương mại, nhà sản xuất nước ion kiềm từ đó chiếm đoạt tiền của họ. Thực hiện thủ đoạn trên, các bị cáo đã lôi kéo được 1242 người chuyển tiền cho các bị cáo, chiếm đoạt số tiền 90.788.340.000 đồng của các bị hại.

Số tiền thu được của các bị hại, các bị cáo sử dụng không đúng cam kết mà dùng vào các hoạt động như tổ chức sự kiện, quảng bá hình ảnh để tạo niềm tin về năng lực tài chính của Công ty, thuê văn phòng, mua sắm thiết bị, chi trả hoa hồng, lương nhân viên, trả lãi cho các nhà đầu tư trước, trả lãi vay ngân hàng, thành lập công ty ... không lắp đặt máy lọc nước cho các bị hại, không tặng vàng cho các nhà đầu tư như đã cam kết, một phần sử dụng để chi tiêu cá nhân. Đến nay các bị cáo và Công ty GMT cũng như các công ty trong hệ sinh thái của mình đều không có khả năng trả lại tiền cho các bị hại.

- Mặc dù tại phiên tòa bị cáo Sỹ Anh Tuyên không thừa nhận có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của các bị hại, nhưng căn cứ vào lời khai các bị cáo Tuyên, Nhung, Trung, lời khai các bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, nhân viên Công ty, kết quả xác minh; sao kê ngân hàng và các tài liệu, chứng cứ đã thu giữ đủ cơ sở khẳng định bị cáo Sỹ Anh Tuyên (*Chủ tịch HĐQT Công ty GMT*) đã đưa ra thông tin gian dối Công ty GMT đang quản lý, điều hành số vốn hơn 40.000 tỷ đồng, Công ty đang kinh doanh hiệu quả, có lợi nhuận lớn, cam kết hứa hẹn sẽ chia lợi nhuận cao cho các đối tác, cam kết lắp đặt trang thiết bị kinh doanh, tặng vàng cho những người tham gia, tạo công ăn, việc làm cho người thân của các khách hàng, để họ tin tưởng, chuyển tiền cho các bị cáo. Nhưng thực tế, các bị cáo không thực hiện các công việc như đã cam kết mà sử dụng tiền của bị hại vào các mục đích khác, đến nay không có khả năng trả lại tiền cho các bị hại. Bị cáo Sỹ Anh Tuyên là người chủ mưu, cầm đầu,

đưa ra ý tưởng, tổ chức bộ máy, trực tiếp thực hiện các hành vi gian dối chiếm đoạt tiền của các bị hại; trực tiếp nhận hơn 27 tỷ đồng vào tài khoản của mình, chỉ đạo bị cáo Nhung nhận hơn 56 tỷ đồng, đồng thời chỉ đạo giám đốc các Chi nhánh của Công ty nhận và giữ lại một phần tiền của bị hại để chi trả hoạt động của các bị cáo, cũng như sử dụng tiền vào các mục đích khác nhau, không thực hiện cam kết với các bị hại.

- Các bị cáo Nguyễn Thị Hồng Nhung (*Tổng giám đốc Công ty Cổ phần GMT nước Vạn Xuân*), Trần Trí Trung (*Giám đốc Chi nhánh Miền Nam, Phụ trách bộ phận kinh doanh và pháp lý*) là những người đồng phạm giúp sức, trong đó: Nguyễn Thị Hồng Nhung tham gia tổ chức các khóa đào tạo, đại diện Công ty Vạn Xuân ký “*Giao ước thỏa thuận tài chính*”, “*Biên bản thỏa thuận góp vốn kinh doanh thành lập công ty*” với các bị hại, là đầu mối nhận tiền của khách hàng và giám đốc các Chi nhánh Công ty chuyển đến; trực tiếp nhận hơn 56.115.000.000 đồng vào tài khoản của mình; Sử dụng tiền theo chỉ đạo của bị cáo Tuyên. Trần Trí Trung là người chịu trách nhiệm tổ chức các khóa đào tạo để Sỹ Anh Tuyên giảng dạy các khóa học “*Chương trình kiến tạo giải pháp về nước*”, chịu trách nhiệm pháp lý, lo thủ tục thành lập các doanh nghiệp, quản lý các vấn đề về hình thức, quảng bá hoạt động của Công ty. Khi thực hiện các công việc trên Nhung và Trung đều biết rõ các thông tin rõ các thông tin do Sỹ Anh Tuyên đưa ra không đúng sự thật, Tuyên chưa thực hiện việc góp vốn vào công ty thành viên nào, nhưng vẫn giúp sức cho Tuyên thực hiện để chiếm đoạt tiền của các bị hại. Mặt khác, việc tổ chức các khóa học, góp vốn mở Công ty kéo dài nhiều năm, các bị cáo Nhung, Trung đều biết rõ các Công ty mở trước đó Công ty GMT không góp vốn, số tiền những người đã góp vốn được sử dụng vào mục đích khác, chứ không phải hoạt động kinh doanh của công ty mới thành lập. Như vậy, Nhung, Trung biết rõ hành vi của Tuyên là gian dối nhưng vẫn giúp sức cho Tuyên thực hiện các hành vi đó để chiếm đoạt tiền của các bị hại.

Hành vi nêu trên của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm luật hình sự, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, các bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt của các bị hại hơn 90 tỷ đồng. Các bị cáo là những người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Do đó, các bị cáo đã phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[2.2] Về tính chất, mức độ và mức hình phạt đối với các bị cáo:

Trong vụ án này, hành vi của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, gây thiệt hại số tiền rất lớn cho các bị hại, ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự trong xã hội; đến nay hậu quả vụ án phần lớn chưa được khắc phục, do đó cần phải có đường lối xử lý nghiêm đối với các bị cáo. Đánh giá tính chất, mức độ phạm tội, vị trí, vai trò của từng bị cáo trong vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo Sỹ Anh Tuyên là người chủ mưu, cầm đầu, chủ động đưa ra các ý tưởng lừa dối bị hại, trực tiếp đưa ra thông tin gian dối chiếm đoạt tiền của các bị hại, quyết định và sử dụng phần lớn số tiền chiếm đoạt của các bị hại. Vì vậy, bị cáo Tuyên phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò cao nhất. Các bị cáo Nguyễn Thị Hồng Nhung, Trần Trí Trung là những người đồng phạm giúp sức cho bị cáo Tuyên. Các bị cáo này đều biết rõ các thông tin bị cáo Tuyên đưa ra là không có cơ sở, không đúng sự thật, nhưng vẫn đồng tình, thực hiện theo chỉ đạo của bị cáo Tuyên, tổ chức các sự kiện, quảng bá hình ảnh hệ thống Công ty GMT, thành lập các công ty trong hệ sinh thái của Công ty GMT, nhận tiền của các bị hại chuyển đến, sử dụng tiền theo sự chỉ đạo của bị cáo Tuyên. Vị trí, vai trò phạm tội của các bị cáo này thấp hơn bị cáo Tuyên,

nhưng cũng rất tích cực. Cần phải có đường lối xử lý tương xứng đối với từng bị cáo.

Khi lượng hình đối với bị cáo Hội đồng xét xử có xem xét:

- *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Trong quá trình điều tra và tại phiên toà, về cơ bản các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải; tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra để làm rõ hành vi phạm tội của bản thân và các đối tượng có liên quan được Cơ quan điều tra ghi nhận và đề nghị trong Kết luận điều tra; Đã nộp tiền để bồi thường, khắc phục một phần hậu quả cho các bị hại với số tiền (*Tuyên 180 triệu đồng; Nhung 100 triệu đồng và đề nghị dùng 01 tỷ đồng trong tài khoản tiết kiệm; Trung 20 triệu đồng*); Một số bị hại đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Ngoài ra Hội đồng xét xử còn xem xét thêm: Bị cáo Sỹ Anh Tuyên đã có thời gian phục vụ trong quân đội; Bị cáo cũng đã tham gia quân đội, được Nhà nước tặng thưởng Huân, Huy chương; Bị cáo có chú là Liệt sỹ. Từ đó có thể xem xét áp dụng điểm b, s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt.

Hình phạt đối với mỗi bị cáo được quyết định trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo, vị trí, vai trò, đặc điểm nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của mỗi bị cáo trong vụ án như đã nêu trên.

[2.3]. Về trách nhiệm dân sự:

Theo kết quả điều tra đã xác định, các bị cáo có hành vi lừa đảo chiếm đoạt 90.788.340.000 đồng của tổng số 1.242 nhà đầu tư. Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát đã đăng thông báo nhiều lần trên phương tiện thông tin đại chúng tìm bị hại. Trước khi mở phiên tòa, Tòa án cũng đã Thông báo trên Báo Công lý, Trang thông tin điện tử của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội để các bị hại biết, thực hiện quyền của mình. Tại phiên tòa tiếp tục có một số bị hại có yêu cầu bồi thường. Đến nay đã xác định có 605 cá nhân làm việc với Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án, trong đó có hơn 487 bị hại có yêu cầu bồi thường với số tiền 48.391.397.680 đồng (*có phụ lục kèm theo*). Các bị cáo là những người có hành vi liên đới gây thiệt hại cho các bị hại nên phải liên đới bồi thường theo quy định của Điều 587 Bộ luật Dân sự.

Đối với các bị hại khác hiện chưa có yêu cầu bồi thường, mặc dù các Cơ quan tiến hành tố tụng đã ra thông báo nhưng đến nay có nhiều người chưa biết hoặc chưa có điều kiện thực hiện việc yêu cầu bồi thường. Số tiền bị chiếm đoạt là tiền của các bị hại, nhiều bị hại chưa được giải thích về quyền của mình, việc tịch thu số tiền chiếm đoạt sẽ ảnh hưởng đến quyền đòi lại tài sản của các bị hại. Vì vậy, căn cứ Điều 30, khoản 2 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 166 Bộ luật Dân sự; tinh thần Mục 3 Công văn số 233/TANDTC-PC ngày 01/10/2019 của Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử dành quyền khởi kiện cho các bị hại đó đòi lại tiền của mình bị chiếm đoạt trong vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm liên đới bồi thường của mỗi bị cáo trong vụ án: Xét thấy, bị cáo Tuyên là người chủ mưu, cầm đầu, chỉ đạo các bị cáo khác phạm tội nên phải chịu trách nhiệm cao nhất về việc bồi thường dân sự. Đối với các bị cáo Nhung, Trung, biết bị cáo Tuyên đưa ra thông tin gian dối để lừa dối các bị hại nhưng vẫn cố ý giúp sức cho Tuyên thực hiện hành vi phạm tội, làm theo sự chỉ đạo của Tuyên. Hai bị cáo này cũng được hưởng lợi một phần từ việc được trả lương, trợ cấp từ nguồn tiền do phạm tội mà có; Số tiền các bị cáo chiếm đoạt của các bị hại là rất lớn, đến nay hậu

quả vụ án chưa được khắc phục. Vì vậy, cần buộc các bị cáo Nhung, Trung phải liên đới cùng với bị cáo Tuyên bồi thường cho các bị hại theo quy định của Điều 587 Bộ luật Dân sự về trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại do nhiều người cùng gây ra. Tuy nhiên, trách nhiệm bồi thường của mỗi bị cáo được cân nhắc, xem xét trên cơ sở vị trí, vai trò phạm tội, số tiền hưởng lợi của mỗi bị cáo trong vụ án.

[3] Về các nội dung khác:

- *Đối với tài khoản bị phong tỏa:* Cơ quan điều tra đã ra lệnh phong tỏa số tiền 01 tỷ đồng trong tài khoản của bị cáo Nguyễn Thị Hồng Nhung mở tại Ngân hàng T, cần tiếp tục duy trì lệnh phong tỏa này để đảm bảo thi hành án đối với các nghĩa vụ của bị cáo.

- *Về xử lý vật chứng:* Quá trình điều tra, truy tố, xét xử gia đình các bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã tự nguyện nộp số tiền là 455.585.576 đồng để khắc phục hậu quả vụ án (gồm: Bà Dương Bảo H nộp 20 triệu đồng; Bà Nguyễn Thị H nộp 235.585.576 đồng; Bà Bùi Thu T nộp thay bị cáo Nhung 100 triệu đồng; Chị Sỹ Thị Ngọc H nộp thay bị cáo Tuyên 80.000.000 đồng; Chị Đàm Thị Hoàng N nộp thay bị cáo Trung 20.000.000 đồng). Số tiền trên được tiếp tục tạm giữ để đảm bảo nghĩa vụ bồi thường của các bị cáo. Đối với các đồ vật, tài sản thu của các bị cáo và Công ty GMT cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho các bị cáo. Đối với các đồ vật, tài sản của những người liên quan khác là tài sản cá nhân không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử trả lại cho chủ sở hữu. Một số người liên quan là Lê Thành L, Hà Thế T có đơn xin trả lại tài sản là máy tính, nhưng lời khai của những người trên đều xác nhận các tài sản đó là của Công ty GMT, được Công ty giao để thực hiện công việc, vì vậy cần tiếp tục tạm giữ các tài sản trên để đảm bảo thi hành án đối với nghĩa vụ của các bị cáo. Đối với các đồ vật là công cụ phương tiện phạm tội hoặc không còn giá trị sử dụng như dấu các công ty, dấu tên, dấu chức danh, thẻ ngân hàng, thẻ nhân viên, USB đã thu giữ cần tịch thu tiêu hủy.

- *Về số tiền những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị giao nộp số tiền đã nhận từ Sỹ Anh Tuyên và Công ty GMT để hoàn trả cho các bị hại:* Trong quá trình điều tra, bà Nguyễn Thị H đề nghị nộp lại 2.200.000.000 đồng (bút lục 148); Bà Dương Bảo H đề nghị nộp lại 778.058.076 đồng để khắc phục hậu quả cho các bị hại (bút lục 9846). Số tiền trên có nguồn gốc do bị cáo Tuyên phạm tội mà có. Vì vậy, cần buộc những người trên phải hoàn trả số tiền trên để bảo đảm việc bồi thường cho các bị hại. Dành quyền cho bà H đòi lại Sỹ Anh Tuyên trả lại các đồ vật đã nhận theo quy định của pháp luật. Nếu có tranh chấp các bên có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác theo quy định.

- *Về các quan hệ dân sự, kinh tế khác:* Đối với các quan hệ khác như thuê đơn vị cung cấp, lắp đặt trụ nước, thuê mặt bằng đặt trụ nước, vay mượn tài sản... không phải là hành vi các bị cáo bị truy tố trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Các bên có quyền lương lượng, thỏa thuận, nếu có tranh chấp có quyền khởi kiện trong vụ án dân sự khác.

- *Về án phí và quyền kháng cáo:* Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm. Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,



QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo: Sỹ Anh Tuyên, Nguyễn Thị Hồng Nhung, Trần Trí Trung phạm tội: *“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”*.

- **Áp dụng:** điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

- **Xử phạt bị cáo: Sỹ Anh Tuyên 20 (hai mươi) năm tù.** Thời hạn tù tính từ ngày 20/6/2025.

- **Xử phạt bị cáo: Nguyễn Thị Hồng Nhung 12 (mười hai) năm tù.** Thời hạn tù tính từ ngày 20/6/2025.

- **Xử phạt bị cáo: Trần Trí Trung 11 (mười một) năm tù.** Thời hạn tù tính từ ngày 20/6/2025.

* Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp: Căn cứ: Điều 46, 47, 48 Bộ luật Hình sự; Các Điều 166, 584, 589, 357, 468, 579, 580 Bộ luật Dân sự; Các Điều 30, khoản 2 Điều 292, 129 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

2.1. Về trách nhiệm dân sự:

* Buộc các bị cáo Sỹ Anh Tuyên, Nguyễn Thị Hồng Nhung, Trần Trí Trung phải liên đới bồi thường cho **487** bị hại có yêu cầu bồi thường số tiền các bị cáo đã chiếm đoạt là **48.391.397.680 đồng**. Chia theo vị trí, vai trò, trách nhiệm mỗi bị cáo phải bồi thường như sau:

- Bị cáo Sỹ Anh Tuyên phải bồi thường: **46.391.397.680 đồng**

- Bị cáo Nguyễn Thị Hồng Nhung phải bồi thường **1.500.000.000 đồng**.

- Bị cáo Trần Trí Trung phải bồi thường **500.000.000 đồng**.

(Số tiền bồi thường cho từng bị hại có phụ lục kèm theo bản án).

* Đối với các bị hại khác hiện chưa có yêu cầu bồi thường, Hội đồng xét xử dành quyền khởi kiện cho các bị hại đó trong vụ án dân sự khác khi có yêu cầu, theo thủ tục tố tụng dân sự.

* Buộc bà Dương Bảo H phải truy nộp số tiền 778.058.076 đồng để bảo đảm cho việc bồi thường của các bị cáo đối với các bị hại.

* Buộc bà Nguyễn Thị H phải truy nộp số tiền 2.200.000.000 đồng để bảo đảm cho việc bồi thường của các bị cáo đối với các bị hại. Dành quyền cho bà Nguyễn Thị H yêu cầu Sỹ Anh Tuyên phải trả lại các đồ vật bị cáo đã nhận của bà H theo quy định của pháp luật. Nếu có tranh chấp các bên có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

** Đối với khoản tiền bồi thường, tiền truy nộp nêu trên, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

2.2. Về biện pháp tư pháp:

* Tiếp tục duy trì Lệnh phong tỏa tài khoản số 98/LPT-ANĐT-P2 ngày 03/02/2026 của Cơ quan An ninh điều tra Bộ Công an, phong tỏa toàn bộ số tiền trong sổ tiết kiệm có kỳ hạn số TA 057135xx đứng tên Nguyễn Thị Hồng Nhung mở tại Ngân hàng TMCP T để đảm bảo thi hành án đối với các nghĩa vụ của bị cáo Nguyễn Thị Hồng Nhung.

* Về xử lý vật chứng:

- Tiếp tục tạm giữ số tiền gia đình các bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nộp để bảo đảm việc bồi thường cho các bị hại, gồm: Bà Dương Bảo H nộp 20.000.000 đồng cho bị cáo Tuyên; Bà Nguyễn Thị H nộp 235.585.576 đồng cho bị cáo Tuyên; Bà Sỹ Thị Ngọc H nộp 80.000.000 đồng cho bị cáo Tuyên; Bà Đàm Hoàng N nộp 20.000.000 đồng cho bị cáo Trung; Bà Bùi Thị T nộp 100.000.000 đồng cho bị cáo Nhung.

(Số tiền trên đang tạm giữ tại Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội theo Ủy nhiệm chi lập ngày 24/4/2026 tại Kho bạc Nhà nước Khu vực 1; Các Biên lai thu tiền số 7998 ngày 12/6/2026, số 7999 ngày 12/6/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội).

- Trả lại cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan các đồ vật bị thu giữ như sau: Trả cho ông Trần Hữu T 01 laptop; Trả cho chị Nguyễn Thị T 01 laptop; Trả cho anh Nguyễn Việt Q 01 laptop; Trả cho chị Trần Thị T 01 laptop; Trả cho chị Bùi Thị Thanh T 01 laptop; Trả lại cho bà Vũ Thị H 01 laptop, 02 quyển sổ ghi chép.

- Tiếp tục tạm giữ: Các laptop, CPU máy tính, điện thoại và 10 hệ thống lọc nước thu của các bị cáo, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và Công ty GMT để bảo đảm thi hành án đối với các nghĩa vụ của các bị cáo trong vụ án.

- Tịch thu tiêu hủy: Các dấu Công ty, dấu tên, dấu chức danh, thẻ ngân hàng, usb, thẻ nhân viên, đã thu giữ.

(Các vật chứng trên có Phụ lục kèm theo Bản án – Hiện đang bảo quản tại Thi hành án Dân sự thành phố Hà Nội và do Cơ quan An ninh điều tra Bộ Công an quản lý, niêm phong theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản lập ngày 12/5/2026 tại Thi hành án Dân sự thành phố Hà Nội, tình trạng vật chứng như mô tả tại biên bản nêu trên).

3. Về án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng khoản 2 Điều 136, các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo phải nộp án phí dân sự sơ thẩm như sau: Bị cáo Sỹ Anh Tuyên phải nộp 154.391.397 đồng; Bị cáo Nguyễn Thị Hồng Nhung phải nộp 57.000.000 đồng; Bị cáo Trần Trí Trung phải nộp 24.000.000 đồng.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các bị hại khác vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hoặc bản án được công bố công khai trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự.



Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo về phần bản án, quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo về phần bản án, quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hoặc bản án được công bố công khai trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. /.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao (Vụ 1);
- VKSND Tối cao;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Công an thành phố Hà Nội;
- Thị hành án Dân sự thành phố Hà Nội;
- Sở Tư pháp TP Hà Nội;
- Trại tạm giam B14, BCA
- Các bị cáo; Các bị hại;
- Những người có QLNVLQ;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Vũ Quang Huy